Huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn **Mẫu số 14**

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành theo Quyết định số 30 /2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

(Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2)

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất ở tại đô thị						
1	Đường 10 tháng 10	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Thanh Niên	11,640	6,984	4,656	2,328
2	Đường Thanh Niên	Đường Hoàng Văn Thụ	Ngã 3 giao nhau với đường 21 tháng 8, cầu Pác Luồng	10,800	6,480	4,320	2,160
3	Phố Cầu Pung 2 bên Chợ A và 1 bên B	Đường 21 tháng 8	Điểm giao nhau giữa Đường Thanh Niên với Phố Cốc Lùng	11,640	6,984	4,656	2,328
4	Phố Cầu Pung	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường 21 tháng 8	10,800	6,480	4,320	2,160
5	Phố Cốc Lùng	Đường 10 tháng 10	Phố Cầu Pung	11,640	6,984	4,656	2,328
6	Đường 21 tháng 8	Đường Hoàng Văn Thụ	Điểm giao nhau giữa đường Thanh Niên với đầu cầu Pác Luồng	9,360	5,616	3,744	1,872
7	Đường Hoàng Văn Thụ	Cầu Đoóng Móc ranh giới giữa xã Đại Đồng (cũ) và thị trấn Thất Khê (Km 50 + 103)	Ranh giới giữa thị trấn Thất Khê với xã Chi Lăng (Km 51 +750)	8,640	5,184	3,456	1,728
8	Đường Nà Nghiều	Đường Hoàng Văn Thụ	Mốc địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	8,640	5,184	3,456	1,728
9	Phố Bông Lau	Đường Hoàng Văn Thụ	phố Cầu Pung	8,640	5,184	3,456	1,728
10	Phố Phai Dài	Đường Hoàng Văn Thụ	Cầu Phai Dài	7,800	4,680	3,120	1,560
11	Phố Hoà Bình	Ngã 5, nút giao thông đường Hoàng Văn Thụ với đường 10/10	Phố Cầu Pung	8,400	5,040	3,360	1,680
12	Đường 10 tháng 10	Trụ sở Đội Thuế liên huyện khu vực III huyện Tràng Định	Đường Hoàng Văn Thụ	3,840	2,304	1,536	768
13	Phố Vàng Cai	Phố Cầu Pung	Bờ sông Bắc Khê	3,840	2,304	1,536	768
14	Phố Xá Cái	Phố Cầu Pung	Đường Thanh Niên	3,840	2,304	1,536	768
15	Đường vào Nà Cạn	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	3,840	2,304	1,536	768

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
16	Phố Cầu Pung	Ngõ cụt đoạn góc chợ A		3,600	2,160	1,440	720
17	Đường Nà Chào	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	2,400	1,440	960	480
18	Đường Nà SLảng	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	2,400	1,440	960	480
19	Ngõ 13 đường Hoàng Văn Thụ	Đường vào Trụ sở UBND huyện		2,400	1,440	960	480
20	Ngõ 15 đường Hoàng Văn Thụ	Đường vào Trụ sở Huyện uỷ		2,400	1,440	960	480
21	Ngõ 20 đường Hoàng Văn Thụ hết đường bê tông	Đầu ngõ	Cuối ngõ	2,400	1,440	960	480
22	Phố Bắc Khê	Đường chính trong phố Bắc Khê		2,400	1,440	960	480
23	Phố Ngô Thỳ Sỹ	Đường chính trong phố Ngô Thỳ Sỹ		2,400	1,440	960	480
24	Đường Pác Giàng	Đường Thanh Niên	Bờ sông Bắc Khê	1,200	720	480	
25	Ngõ 1 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	936	562	374	
26	Ngõ 2 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	936	562	374	
27	Ngõ 3 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	1,200	720	480	
28	Ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	936	562	374	
29	Ngõ 5 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	1,200	720	480	
30	Ngõ 6 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	936	562	374	
31	Ngõ 7 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	1,200	720	480	
32	Ngõ 8, đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	1,200	720	480	
33	Ngõ 9, đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	1,200	720	480	
34	Ngõ 10, đường Hoàng Văn Thụ	đầu ngõ	Phố Phai Dài	1,200	720	480	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
35	Ngõ 11 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	936	562	374	
36	Ngõ 12 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	1,200	720	480	
37	Ngõ 14 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	936	562	374	
38	Ngõ 16 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	936	562	374	
39	Ngõ 18 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	936	562	374	
40	Đường nội thị khu 2 thị trấn Thất Khê	Bảo hiểm xã hội và Điện lực huyện Tràng định	Cổng phụ Trung tâm y tế huyện Tràng Định	1,200	720	480	
41	Ngõ 1 phố Cầu Pung	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	936	562	374	
42	Ngõ 2 Phố Cầu Pung	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	936	562	374	
43	Gồm các đoạn đường, ngõ còn lại			780	468		
44	Khu vực còn lại tại đô thị (thị trấn Thất Khê)			420			
	Đất sản xuất, kinh doanh không phải đất thương mại, dịch vụ						
1	Đường 10 tháng 10	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Thanh Niên	8,148	4,889	3,259	1,630
2	Đường Thanh Niên	Đường Hoàng Văn Thụ	Ngã 3 giao nhau với đường 21 tháng 8, cầu Pác Luồng	7,560	4,536	3,024	1,512
3	Phố Cầu Pung 2 bên Chợ A và 1 bên B	Đường 21 tháng 8	Điểm giao nhau giữa Đường Thanh Niên với Phố Cốc Lùng	8,148	4,889	3,259	1,630
4	Phố Cầu Pung	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường 21 tháng 8	7,560	4,536	3,024	1,512
5	Phố Cốc Lùng	Đường 10 tháng 10	Phố Cầu Pung	8,148	4,889	3,259	1,630
6	Đường 21 tháng 8	Đường Hoàng Văn Thụ	Điểm giao nhau giữa đường Thanh Niên với đầu cầu Pác Luồng	6,552	3,931	2,621	1,310
7	Đường Hoàng Văn Thụ	Cầu Đoỏng Móc ranh giới giữa xã Đại Đồng (cũ) và thị trấn Thất Khê (Km 50 + 103)	Ranh giới giữa thị trấn Thất Khê với xã Chi Lăng (Km 51 +750)	6,048	3,629	2,419	1,210
8	Đường Nà Nghiều	Đường Hoàng Văn Thụ	Mốc địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	6,048	3,629	2,419	1,210

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
9	Phố Bông Lau	Đường Hoàng Văn Thụ	phố Cẩu Pung	6,048	3,629	2,419	1,210
10	Phố Phai Dài	Đường Hoàng Văn Thụ	Cầu Phai Dài	5,460	3,276	2,184	1,092
11	Phố Hoà Bình	Ngã 5, nút giao thông đường Hoàng Văn Thụ với đường 10/10	Phố Cẩu Pung	5,880	3,528	2,352	1,176
12	Đường 10 tháng 10	Trụ sở Đội Thuế liên huyện khu vực III huyện Tràng Định	Đường Hoàng Văn Thụ	2,688	1,613	1,075	538
13	Phố Vàng Cai	Phố Cẩu Pung	Bờ sông Bắc Khê	2,688	1,613	1,075	538
14	Phố Xá Cái	Phố Cẩu Pung	Đường Thanh Niên	2,688	1,613	1,075	538
15	Đường vào Nà Cạn	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	2,688	1,613	1,075	538
16	Phố Cẩu Pung	Ngõ cụt đoạn góc chợ A		2,520	1,512	1,008	504
17	Đường Nà Chào	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	1,680	1,008	672	336
18	Đường Nà SLảng	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	1,680	1,008	672	336
19	Ngõ 13 đường Hoàng Văn Thụ	Đường vào Trụ sở UBND huyện		1,680	1,008	672	336
20	Ngõ 15 đường Hoàng Văn Thụ	Đường vào Trụ sở Huyện uỷ		1,680	1,008	672	336
21	Ngõ 20 đường Hoàng Văn Thụ hết đường bê tông	Đầu ngõ	Cuối ngõ	1,680	1,008	672	336
22	Phố Bắc Khê	Đường chính trong phố Bắc Khê		1,680	1,008	672	336
23	Phố Ngô Thỳ Sỹ	Đường chính trong phố Ngô Thỳ Sỹ		1,680	1,008	672	336
24	Đường Pác Giàng	Đường Thanh Niên	Bờ sông Bắc Khê	840	504	336	
25	Ngõ 1 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	655	393	262	
26	Ngõ 2 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	655	393	262	
27	Ngõ 3 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	840	504	336	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
28	Ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	655	393	262	
29	Ngõ 5 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	840	504	336	
30	Ngõ 6 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	655	393	262	
31	Ngõ 7 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	840	504	336	
32	Ngõ 8, đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	840	504	336	
33	Ngõ 9, đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	840	504	336	
34	Ngõ 10, đường Hoàng Văn Thụ	đầu ngõ	Phố Phai Dài	840	504	336	
35	Ngõ 11 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	655	393	262	
36	Ngõ 12 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	840	504	336	
37	Ngõ 14 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	655	393	262	
38	Ngõ 16 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	655	393	262	
39	Ngõ 18 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	655	393	262	
40	Đường nội thị khu 2 thị trấn Thất Khê	Bảo hiểm xã hội và Điện lực huyện Tràng định	Cổng phụ Trung tâm y tế huyện Tràng Định	840	504	336	
41	Ngõ 1 phố Cầu Pung	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	655	393	262	
42	Ngõ 2 Phố Cầu Pung	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	655	393	262	
43	Gồm các đoạn đường, ngõ còn lại			546	328		
44	Khu vực còn lại tại đô thị (thị trấn Thất Khê)			294			
	Đất thương mại, dịch vụ						
1	Đường 10 tháng 10	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Thanh Niên	9,312	5,587	3,725	1,862

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
2	Đường Thanh Niên	Đường Hoàng Văn Thụ	Ngã 3 giao nhau với đường 21 tháng 8, cầu Pác Luồng	8,640	5,184	3,456	1,728
3	Phố Cầu Pung 2 bên chợ A và 1 bên B	Đường 21 tháng 8	Điểm giao nhau giữa Đường Thanh Niên với Phố Cốc Lùng	9,312	5,587	3,725	1,862
4	Phố Cầu Pung	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường 21 tháng 8	8,640	5,184	3,456	1,728
5	Phố Cốc Lùng	Đường 10 tháng 10	Phố Cầu Pung	9,312	5,587	3,725	1,862
6	Đường 21 tháng 8	Đường Hoàng Văn Thụ	Điểm giao nhau giữa đường Thanh Niên với đầu cầu Pác Luồng	7,488	4,493	2,995	1,498
7	Đường Hoàng Văn Thụ	Cầu Đoỏng Móc ranh giới giữa xã Đại Đồng (cũ) và thị trấn Thất Khê (Km 50 + 103)	Ranh giới giữa thị trấn Thất Khê với xã Chi Lăng (Km 51 +750)	6,912	4,147	2,765	1,382
8	Đường Nà Nghiều	Đường Hoàng Văn Thụ	Mốc địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	6,912	4,147	2,765	1,382
9	Phố Bông Lau	Đường Hoàng Văn Thụ	phố Cầu Pung	6,912	4,147	2,765	1,382
10	Phố Phai Dài	Đường Hoàng Văn Thụ	Cầu Phai Dài	6,240	3,744	2,496	1,248
11	Phố Hoà Bình	Ngã 5, nút giao thông đường Hoàng Văn Thụ với đường 10/10	Phố Cầu Pung	6,720	4,032	2,688	1,344
12	Đường 10 tháng 10	Trụ sở Đội Thuế liên huyện khu vực III huyện Tràng Định	Đường Hoàng Văn Thụ	3,072	1,843	1,229	614
13	Phố Vàng Cai	Phố Cầu Pung	Bờ sông Bắc Khê	3,072	1,843	1,229	614
14	Phố Xá Cái	Phố Cầu Pung	Đường Thanh Niên	3,072	1,843	1,229	614
15	Đường vào Nà Cạn	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	3,072	1,843	1,229	614
16	Phố Cầu Pung	Ngõ cụt đoạn góc chợ A		2,880	1,728	1,152	576
17	Đường Nà Chào	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	1,920	1,152	768	384
18	Đường Nà SLảng	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết địa phận thị trấn Thất Khê (cũ)	1,920	1,152	768	384
19	Ngõ 13 đường Hoàng Văn Thụ	Đường vào Trụ sở UBND huyện		1,920	1,152	768	384
20	Ngõ 15 đường Hoàng Văn Thụ	Đường vào Trụ sở Huyện uỷ		1,920	1,152	768	384

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
21	Ngõ 20 đường Hoàng Văn Thụ hết đường bê tông	Đầu ngõ	Cuối ngõ	1,920	1,152	768	384
22	Phố Bắc Khê	Đường chính trong phố Bắc Khê		1,920	1,152	768	384
23	Phố Ngô Thỳ Sỹ	Đường chính trong phố Ngô Thỳ Sỹ		1,920	1,152	768	384
24	Đường Pác Giàng	Đường Thanh Niên	Bờ sông Bắc Khê	960	576	384	
25	Ngõ 1 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	749	449	300	
26	Ngõ 2 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	749	449	300	
27	Ngõ 3 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	960	576	384	
28	Ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	749	449	300	
29	Ngõ 5 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	960	576	384	
30	Ngõ 6 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	749	449	300	
31	Ngõ 7 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	960	576	384	
32	Ngõ 8, đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	960	576	384	
33	Ngõ 9, đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	960	576	384	
34	Ngõ 10, đường Hoàng Văn Thụ	đầu ngõ	Phố Phai Dài	960	576	384	
35	Ngõ 11 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	749	449	300	
36	Ngõ 12 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	960	576	384	
37	Ngõ 14 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	749	449	300	
38	Ngõ 16 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	749	449	300	
39	Ngõ 18 đường Hoàng Văn Thụ	Đầu ngõ	Cuối ngõ	749	449	300	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
40	Đường nội thị khu 2 thị trấn Thất Khê	Bảo hiểm xã hội và Điện lực huyện Tràng định	Cổng phụ Trung tâm y tế huyện Tràng Định	960	576	384	
41	Ngõ 1 phố Cầu Pung	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	749	449	300	
42	Ngõ 2 Phố Cầu Pung	Đầu ngõ	Hết đường bê tông	749	449	300	
43	Gồm các đoạn đường, ngõ còn lại			624	374		
44	Khu vực còn lại tại đô thị (thị trấn Thất Khê)			336			